TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NT TỈNH KHÁNH HÒA Bản án số: 32 /2018/DS-ST Ngày: 17 - 9 - 2018 V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị L**
Ông **Mai Văn Thuận**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thúy Oanh –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Anh –** Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2018/DS-ST ngày 09/3/2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/QĐXXST-DS ngày 14/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-DS ngày 30/8/2018, giữa các đương sự:

- ***N đơn***: Bà **Lê Thị Hồng Q.**
Địa chỉ: 04 V, P, NT, Khánh Hòa.
Bà Q có mặt.

- ***Bị đơn***: Ông **Dương Văn N** và bà **Đặng Thị L**
Địa chỉ: Tổ 1 T, V, NT, Khánh Hòa.
Bà L có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, N đơn bà Lê Thị Hồng Q trình bày:***

Vào năm 2001, bà có cho vợ chồng ông Dương Văn N và bà Đặng Thị L mượn 54 chỉ vàng 96% và 18.000.000 đồng. Thời hạn vay là khi nào cần thì sẽ trả

lại cho bà. Đến năm 2003, vợ chồng ông N, bà L có trả cho bà được 14 chỉ vàng 96% và số tiền 18.000.000đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng ông N và bà L không trả thêm cho tôi được đồng nào, bà đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông N, cứ hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không chịu trả. Đến ngày 31/01/2018, bà yêu cầu vợ chồng bà L và ông N làm giấy xác nhận nợ với bà có nội dung là bà L, ông N còn nợ của bà 40 chỉ vàng 96% và hẹn khi nào bà cần sẽ trả lại. Từ đó đến nay, bà đã nhiều lần đòi nhưng bà L và ông N không chịu trả nợ. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa buộc bà L, ông N phải trả cho bà 40 (bốn mươi) chỉ vàng 96%, không yêu cầu lãi suất.

Khi cho vợ chồng bà L, ông N mượn vàng, bà có giữ của ông N 01 bằng thuyền trưởng tàu cá ven biển loại nhỏ để làm tin. Nay bà đồng ý trả lại cho ông N giấy tờ nói trên.

* ***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Đặng Thị L trình bày:***

Bà thừa nhận trước đây vào năm 2001, bà và chồng là ông Dương Văn N có mượn của bà Lê Thị Hồng Q 54 chỉ vàng 96% và 18.000.000đồng. Sau đó đã trả được 14 chỉ vàng 96% và 18.000.000đồng và đến ngày 31/02/2018 ông bà còn nợ lại 40 chỉ vàng 96%. Nhiều lần bà Q có đến nhà bà đòi nợ nhưng vì nghề biển gặp khó khăn, mất mùa nên vợ chồng bà vẫn chưa trả được nợ mặc dù bà Q đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà Q yêu cầu vợ chồng bà trả 40 chỉ vàng 96%, không yêu cầu trả lãi, bà đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần 10 chỉ vàng trên một năm cho đến khi hết nợ. Đối với ông N chồng bà, do đi biển nên đã rất lâu không về nhà. Tuy nhiên, ông N cũng đồng ý sẽ thanh toán 40 chỉ vàng 96% cho bà Q theo phương thức trả dần như đã nêu trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố NT đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Dương Văn N được biết, và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

* ***Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, buộc bà Đặng Thị L và ông Dương Văn N phải trả cho bà Lê Thị Hồng Q 40 chỉ vàng 96%, trả một lần. Bà Q không yêu cầu ông N và bà L trả lãi nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Đặng Thị L và ông Dương Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Dương Văn N đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác nhận, vào năm 2001 bà Lê Thị Hồng Q có cho vợ chồng bà Đặng Thị L và ông Dương Văn N mượn 54 chỉ vàng 96% và 18.000.000đồng, sau đó vợ chồng bà L và ông N đã trả được cho bà Q 14 chỉ vàng 96% và 18.000.000đồng, còn nợ lại 40 chỉ vàng 96%. Đến ngày 31/01/2018, bà L làm giấy xác nhận nợ với bà Q với nội dung vợ chồng bà có nợ bà Q 40 chỉ vàng 96% và hẹn khi nào bà Q cần sẽ trả. Sau đó bà Q đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng vợ chồng bà L, ông N vẫn không có khả năng trả nợ cho bà Q. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định giấy xác nhận nợ giữa bà Q và bà L là có thật, việc giao dịch giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung các thỏa thuận liên quan đến giao dịch vay mượn là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc bà L, ông N phải có trách nhiệm trả cho bà Q 40 chỉ vàng 96% là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Bà Q không yêu cầu bà L, ông N tiền lãi suất nên Tòa không xem xét, giải quyết.

[3] Về phương thức thanh toán: Tại phiên tòa, bà L xin được trả dần 10 chỉ vàng/ năm, trả cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, bà Q không đồng ý. Xét: Số nợ của bà L, ông N đã quá lâu. Mặt khác, bản thân bà L, ông N cũng không có thiện chí trả nợ, cứ hẹn nhiều lần mà không chịu thanh toán. Mặt khác, tại phiên tòa, bà Q không đồng ý cho bà L, ông N trả dần. Do đó, cần buộc bà L, ông N phải thanh toán một lần số nợ trên là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] *Về án phí*: Bà Đặng Thị L và ông Dương Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định là (40 chỉ vàng 96% x 3.245.000đồng (giá vàng 96% ngày 17/9/2018 tại DNTN Vàng Minh Tiến) x 5% =6.490.000đ. (Sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên xử:

1. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn**.Buộc bà Đặng Thị L và ông Dương Văn N phải trả cho bà Lê Thị Hồng Q toàn bộ số vàng theo giấy xác nhận nợ lập ngày 31/01/2018 là 40 (bốn mươi) chỉ vàng 96%.Bà Lê thị Hồng Q phải trả lại cho bà Đặng thị L, ông Dương Văn N một bằng thuyền trưởng tàu cá loại nhỏ ven biển.

2.**Án phí**: Bà Đặng Thị L và ông Dương Văn N phải nộp 6.490.000đ (Sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng Q 3.500.000 đồng *(Ba triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0008552 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Lê Thị Hồng Q và bà Đặng Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Văn N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định: *Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: • TAND tỉnh Khánh Hòa; • VKSND Tp. NT; • THADS Tp. NT; • Các đương sự • Lưu hồ sơ, án văn.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa** ***(Đã ký)*** **Nguyễn Thị Bích Thủy**